

LỚP	THỨ 2					THỨ 3					THỨ 4					THỨ 5					THỨ 6					THỨ 7								
	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10				
19QLTDT1	CN2					Tin học & UDCNS A204					Vệ sinh TDTT C201				Tin học & UDCNS A204 Học tiết 123						Thi Tin học & UDCNS A204				CN2									
19QLTDT2																																		
19QLTDT3								Tin học & UDCNS A204 Học tiết 3																										
K4GDT1 (VLVB)				Tin học & UDCNS A204	Thi Tin học & UDCNS A204 +PIC+CL																													
K4GDT2 (VLVB)																																		
K4GDT3 (VLVB)		Tiếng Anh tổng quát A104 Học tiết 3																																
19GDT																																		

Sinh viên lớp 19HLTT(VDV)- Lớp 1 có số thứ tự từ 01 đến 30; 19HLTT(VDV)- Lớp 2 có số thứ tự từ 31 (theo danh sách biên chế lớp tin chỉ HK2 năm học 2025-2026 của phòng ĐT&BDCLGD)

19HLTT (VDV) Lớp 1	Tin học & UDCNS A204	Thể dục 2			Điền kinh 2		Tin học & UDCNS A204			CNHL2 (VT+BC+BD)			CNHL2 (VT+BC+BD)	Thể dục 2			CNHL2 (VT+BC+BD)	Điền kinh 2			Tin học & UDCNS A204	Thể dục 2		Tin học & UD CNS					
19HLTT (VDV) Lớp 2		Thể dục 2			Thể dục 2						Điền kinh 2					Điền kinh 2													
K4HLTT (VDV)	Điền kinh 2		Thể dục 2			Điền kinh 2		Thể dục 2						Tin học & UDCNS A204					Tin học & UDCNS A204			Thể dục 2	Tin học & UD CNS						
K4GDT4 (VDV)		Thể dục 2-KT		CS1-PIC	Tin học & UD CNS		CS1-PIC		Thi Thể dục 2	Tin học & UD CNS		CS1-PIC		Tin học & UD CNS					Điền kinh 2-KT		CS1-PIC	Thi Tin học & UD CNS	Thi Điền kinh 2		CS1-PIC				
16/9	TTCS7 ĐK+BC+VT								LT TTCS7 ĐK-C302;BC-B301 VT-C103 Học tiết 567																				

Sinh viên lớp 17/10A có số thứ tự từ 01 đến 30; lớp 17/10B có số thứ tự từ 31 (theo danh sách biên chế lớp tin chỉ HK2 năm học 2025-2026 của phòng ĐT&BDCLGD)

17/10A	Võ thuật (VT)+Quần vợt (VQ)			LT QV B101	Võ thuật (VT)+Quần vợt (VQ)	LT TTCS5 BC-C303; ĐK+VT+BÔI (Phòng học Bộ môn)	LT QV B101	GYM		LT QV B101	TTCS5 ĐK+BC+VT+BÔI	Võ thuật (VT)+Quần vợt (VQ)	LT GYM B102	TTCS5 ĐK+BC+VT+BÔI	LT GYM B302	LT QV-B101 VT-B102 Học tiết 9	Võ thuật (VT)+Quần vợt (VQ)	TTCS5 ĐK+BC+VT+BÔI	LT GYM B102
17/10B		GYM		LT VT B102			LT VT B102		LT VT B102										

Sinh viên lớp 18/9A có số thứ tự từ 01 đến 34; lớp 18/9B có số thứ tự từ 35 (theo danh sách biên chế lớp tin chỉ HK2 năm học 2025-2026 của phòng ĐT&BDCLGD)

18/9A	Bơi	TTCS4 (ĐK+BÔI+BC+VT)	LL&PP HLT1 B201	Cầu lông	Bơi	LT TTCS4 ĐK-A102 BÔI-A103 BC-B201 VT-B202	Cầu lông		LT Bơi B201	TTCS4 (ĐK+BÔI+BC+VT)	LT Cầu lông B301	Cầu lông	TTCS4 (ĐK+BÔI+BC+VT)	LT Bơi B201	Bơi	TTCS4 (ĐK+BÔI+BC+VT)	LL&PP HLT1 B201
18/9B			Cầu lông	Bơi	Cầu lông			Cầu lông	Bơi								